TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TÂN CHÂU** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 22/6/2021
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dương.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Huỳnh Thanh Hùng;

- Ông Phạm Hồng Thuận.

Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Hữu Lợi - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thùy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 440/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2020 về việc *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2021/QĐXXST-HN ngày 18 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 77/2021/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị B, sinh năm 1992; Địa chỉ: Tổ 11, ấp LH, xã LA, thị xã TC, tỉnh AG; vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh Đ, sinh năm 1988; Địa chỉ: Tổ 11, ấp LH, xã LA, thị xã TC, tỉnh AG; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị B trình bày: Vào tháng 02 năm 2014, chị B và anh Đ tự tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn năm 2014. Quá trình chung sống vợ chồng, đến tháng 8/2020 thì phát sinh mâu thuẫn do anh Đ thường xuyên uống rượu, cãi vã nhau và đã không còn chung sống với nhau từ tháng 8/2020 cho đến nay. Đồng thời, anh Đ có gửi tin nhắn qua ứng dụng Zalo cho bạn của chị B tên là Kha có những lời lẻ đe dọa và xúc phạm chị B. Nhận thấy không hạnh phúc

nên chị B yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Thanh Đ.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị B và anh Đ có 01 (một) con chung tên Nguyễn Trần Ngọc L, sinh ngày 17/7/2015. Chị B đồng ý giao con chung cho anh Đ nuôi dưỡng, chị B không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành tống Đ Thông báo thụ lý vụ án số 712/TB-TLVA ngày 18/11/2020 cho anh Nguyễn Thanh Đ thông qua người thân là ông Nguyễn Văn Ng (cha ruột anh Đ) nhận thay và cam kết có báo lại cho anh Đ biết về việc chị B khởi kiện ly hôn với anh Đ tại Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, nhưng đến nay Tòa án không nhận được văn bản ý kiến của anh Đ đối với yêu cầu của chị B và các tài liệu chứng cứ kèm theo.

Tòa án đã ra Thông báo mở phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh Đ vắng mặt theo các lần triệu tập của Tòa án. Ngày 17/5/2021, Tòa án ban hành Thông báo số 128/2021/TB-TA về việc công khai chứng cứ do Tòa án thu thập cho anh Đ nhưng anh Đ cũng không gửi văn bản ý kiến cho Tòa án.

Tại phiên tòa, anh Đ vắng mặt, chị B vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Hội đồng xét xử công bố biên bản xác minh tình trạng cư trú của anh Đ tại Công an xã Long An, thị xã Tân Châu; Xác minh tình trạng hôn nhân và con chung của chị B và anh Đ tại Hội liên hiệp phụ nữ xã Long An, thị xã Tân Châu; Xác minh (lấy lời khai) của ông Nguyễn Văn Ng (em ruột anh Luân), cụ thể:

- Công an xã Long An, thị xã Tân Châu cung cấp: Anh Nguyễn Thanh Đ, sinh năm 1988 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 11, ấp LH, xã LA, thị xã TC, tỉnh AG nhưng anh Đ đã bỏ địa phương đi cho đến nay (không rõ bỏ đi thời gian nào) và thường xuyên vắng mặt ở địa phương. Do anh Đ không trình báo nên không biết anh Đ ở đâu, làm gì.

- Hội phụ nữ xã Long An, thị xã Tân Châu cho biết: Về tình trạng hôn nhân giữa chị Trần Thị B, sinh năm 1992 và anh Nguyễn Thanh Đ, sinh năm 1988 thì Hội phụ nữ không nắm.

Về con chung, giữa anh Đ và chị B có 01 (một) con chung tên Nguyễn Trần Ngọc L, sinh ngày 17/7/2015. Hiện cháu L đang sống với ông bà nội của cháu và được chăm sóc, nuôi dưỡng tốt, cháu L được lo ăn học đàn hoàn và không thấy có hành vi đánh đập, ngược đãi cháu ở địa phương.

- Ông Nguyễn Văn Ng (cha ruột anh Đ) cung cấp: Vào khoảng năm 2014, vợ chồng (B - Đ) tự tìm hiểu, yêu thương nhau, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Long An, thị xã Tân Châu ngày 14/5/2014. Đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống về tình cảm, mâu thuẫn kinh tế gia đình, Đ hay ghen với B nên vợ chồng (B - Đ)

đã không còn chung sống với nhau từ năm 2020 cho đến nay và không còn liên lạc với nhau nữa. Đồng thời, gia đình đã hàn gắn tình cảm vợ chồng (B – Đ) nhưng không thành.

Về con chung, giữa vợ chồng (B - Đ) có 01 (một) con chung tên Nguyễn Trần Ngọc L, sinh ngày 17/7/2015. Hiện cháu L đang sống và được vợ chồng ông (Nghiệp - Loan) chăm sóc, nuôi dưỡng tốt, cháu được lo cho ăn học đầy đủ, mọi chi phí đều do vợ chồng ông Nghiệp và Đ lo cho cháu L. Đồng thời, Đ và gia đình ông mong muốn nuôi cháu L, không cần B cấp dưỡng nuôi con chung.

Giữa B và Đ không có tài sản chung và nợ chung.

- Phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng quy định tại các Điều 195, Điều 196 và Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về xét sử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của đương sự: Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, tài liệu chứng cứ, hôn nhân của chị B và anh Đ là hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã LA, thị xã TC, tỉnh AG theo giấy chứng nhận kết hôn số 54/HT, Quyển số 01/2014 ngày 14/5/2014. Năm 2020, chị B và anh Đ phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống về tình cảm, mâu thuẫn kinh tế gia đình, anh Đ hay ghen nên đã không còn chung sống với nhau từ tháng 8 năm 2020 cho đến nay. Do đó, chị B yêu cầu ly hôn với anh Đ là có căn cứ.

Về con chung: Chị B đồng ý giao con chung tên Nguyễn Trần Ngọc L, sinh ngày 17/7/2015 cho anh Đ tiếp tục nuôi dưỡng, chị B không cấp dưỡng nuôi con. Cháu L hiện đang sống với gia đình anh Đ và được gia đình anh Đ chăm sóc, nuôi dưỡng tốt, cháu L có cuộc sống ổn định.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị B được ly hôn anh Nguyễn Thành Đ.

Về con chung: Anh Nguyễn Thanh Đ được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Trần Ngọc L, sinh ngày 17/7/2015. Chị Trần Thị B không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

**Về tố tụng:*

[1] Về thẩm quyền: Chị Trần Thị B khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Thanh Đ. Anh Đ có nơi cư trú tại tổ 11, ấp LH, xã LA, thị xã TC, tỉnh AG. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn chị Trần Thị B có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn anh Nguyễn Thanh Đ được tống Đ hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không có lý do. Căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

** Về nội dung:*

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị B và anh Nguyễn Thanh Đ có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Long An, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 54/HT, Quyển số 01/2014 ngày 14/5/2014, hôn nhân giữa chị B và anh Đ là hợp pháp, phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Chị B khai: Vào tháng 02 năm 2014, chị B và anh Đ tự tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn năm 2014. Quá trình chung sống vợ chồng, đến tháng 8/2020 thì phát sinh mâu thuẫn do anh Đ thường xuyên uống rượu, cãi vã nhau và đã không còn chung sống với nhau từ tháng 8/2020 cho đến nay. Đồng thời, anh Đ có gửi tin nhắn qua ứng dụng Zalo cho bạn của chị B tên là Kha có những lời lẻ đe dọa và xúc phạm chị B. Nhận thấy không hạnh phúc nên chị B yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Thanh Đ.

Lời khai của ông Nguyễn Văn Ng cung cấp: Năm 2020, vợ chồng (B – Đ) phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống về tình cảm, mâu thuẫn kinh tế gia đình, Đ cũng hay ghen tuông với B nên vợ chồng (B - Đ) đã không còn chung sống với nhau từ năm 2020 cho đến nay và không còn liên lạc với nhau nữa. Đồng thời, gia đình đã hàn gắn tình cảm vợ chồng (B – Đ) nhưng không thành.

Vợ chồng có nghĩa vụ chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng hạnh phúc. Cuộc sống vợ chồng của chị B và anh Đ phát sinh mâu thuẫn từ năm 2020 và sống xa nhau từ năm 2020 cho đến nay. Tòa án tổ chức hòa giải để tạo điều kiện cho chị B và

anh Đ hàn gắn tình cảm, nhưng anh Đ vắng mặt và không gửi ý kiến bằng văn bản cho Tòa án.

Tình trạng vợ chồng chị B và anh Đ đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không Đ được. Nếu tiếp tục duy trì hôn nhân thì khó xây dựng được gia đình hòa thuận, hạnh phúc và bền vững mà còn kéo dài sự đau khổ cho chị B. Xét, cho chị Trần Thị B ly hôn với anh Nguyễn Thanh Đ là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Chị B đồng ý giao con chung tên Nguyễn Trần Ngọc L, sinh ngày 17/7/2015 cho anh Đ tiếp tục nuôi dưỡng, chị B không cấp dưỡng nuôi con chung.

Qua xác minh tại Hội Liên hiệp Phụ nữ xã Long An, thị xã Tân Châu và ông Nguyễn Văn Ng (cha ruột anh Đ) thì chị B và anh Đ có 01 con chung tên Nguyễn Trần Ngọc L, sinh ngày 17/7/2015. Hiện cháu L đang sống và được anh Đ và gia đình anh Đ chăm sóc, nuôi dưỡng tốt, cháu L được lo cho ăn học đầy đủ, mọi chi phí đều do anh Đ và gia đình anh Đ lo cho cháu L.

Xét, giao cháu Nguyễn Trần Ngọc L, sinh ngày 17/7/2015 cho anh Nguyễn Thanh Đ tiếp tục nuôi dưỡng, chị B không cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Anh Nguyễn Thanh Đ cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở chị Trần Thị B trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị B khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Trần Thị B phải chịu 300.000 *(ba trăm nghìn) đồng* án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ tạm ứng án phí đã nộp.

Anh Nguyễn Thanh Đ không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị B.

Chị Trần Thị B được ly hôn với anh Nguyễn Thanh Đ.

Giấy chứng nhận kết hôn số 54/2014, quyển số 01/2014, ngày 14/5/2014, do Uỷ ban nhân dân xã LA, thị xã TC, tỉnh AG cấp cho chị Trần Thị B và anh Nguyễn Thanh Đ không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Anh Nguyễn Thanh Đ được tiếp tục nuôi dạy con chung tên: Nguyễn Trần Ngọc L, sinh ngày 17/7/2015. Chị Trần Thị B không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nguyễn Thanh Đ cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở chị Trần Thị B trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Chị Trần Thị B phải chịu *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* theo biên lai số TU/2019/0006423 ngày 17 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang; Chị Trần Thị B đã nộp đủ án phí.

Anh Nguyễn Thanh Đ không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Thời hạn kháng cáo của chị B và anh Đ là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thùy Dương

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TX. Tân Châu (02);
- Chi cục THADS TX. Tân Châu (01);
- Toà án nhân dân tỉnh An Giang (01);
- UBND nơi đăng ký kết hôn (01);
- Lưu văn phòng (2);
- Lưu hồ sơ vụ án.